



TỔNG CTY THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
CTY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

CADIVI

70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM.

Tel: 38292971-38299443 FAX: 38299437.

Website: www.cadivi-vn.com

Email: cadivi@cadivi.com.vn

-----&-----

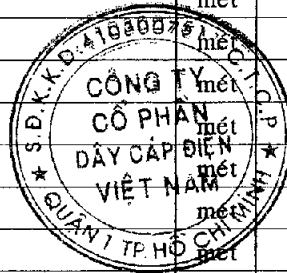
BẢNG 3

GIÁ BÁN SẢN PHẨM

Áp dụng từ ngày 02-09-2010

Khu vực Miền Nam & Miền Trung

MÃ SẢN PHẨM (A)	TÊN SẢN PHẨM (B)	Đ V T (C)	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT (1)	CÓ THUẾ GTGT (2)
10401	<i>Dây điện lực ruột đồng, cách điện PVC (CV-450/750V)</i>			
1040101	CV-1 (7/0.425) - 450/750V	mét	2.550	2.805
1040164	CV-1.25 (7/0,45) - 450/750V	mét	3.040	3.344
1040102	CV-1.5 (7/0.52) - 450/750V	mét	3.530	3.883
1040103	CV-2 (7/0.6) - 450/750V	mét	4.480	4.928
1040104	CV-2.5 (7/0.67) - 450/750V	mét	5.490	6.039
1040165	CV-3,0 (7/0,75) - 450/750V	mét	6.490	7.139
1040105	CV-3.5 (7/0.8) - 450/750V	mét	7.500	8.250
1040106	CV-4 (7/0.85) - 450/750V	mét	8.320	9.152
1040166	CV-5,0 (7/0,95) - 450/750V	mét	10.600	11.660
1040107	CV-5.5 (7/1) - 450/750V	mét	11.270	12.397
1040108	CV-6 (7/1.04) - 450/750V	mét	12.140	13.354
1040167	CV-7 (7/1,13) - 450/750V	mét	14.370	15.807
1040109	CV-8 (7/1.2) - 450/750V	mét	16.080	17.688
1040110	CV-10 (7/1.35) - 450/750V	mét	20.300	22.330
1040169	CVm-10 (7x20/0,3) - 450/750V	mét	20.700	22.770
1040111	CV-11 (7/1.4) - 450/750V	mét	21.700	23.870
1040112	CV-14 (7/1.6) - 450/750V	mét	27.300	30.030
1040113	CV-16 (7/1.7) - 450/750V	mét	30.700	33.770
1040170	CVm-16 (7x32/0,30) - 450/750V	mét	31.600	34.760
1040114	CV-22 (7/2) - 450/750V	mét	42.300	46.530
1040115	CV-25 (7/2.14) - 450/750V	mét	48.200	53.020
1040116	CV-30 (7/2.3) - 450/750V	mét	55.400	60.940
1040117	CV-35 (7/2.52) - 450/750V	mét	66.200	72.820
1040118	CV-38 (7/2.6) - 450/750V	mét	70.400	77.440
1040120	CV-50 (19/1.8) - 450/750V	mét	93.000	102.300
1040122	CV-60 (19/2) - 450/750V	mét	113.800	125.180
1040124	CV-70 (19/2.14) - 450/750V	mét	130.100	143.110
1040125	CV-75 (19/2.25) - 450/750V	mét	143.500	157.850
1040127	CV-80 (19/2.3) - 450/750V	mét	150.000	165.000
1040129	CV-95 (19/2.52) - 450/750V	mét	179.500	197.450
1040130	CV-100 (19/2.6) - 450/750V	mét	190.900	209.990
1040131	CV-120 (19/2.8) - 450/750V	mét	220.700	242.770
1040133	CV-125 (19/2.9) - 450/750V	mét	236.600	260.260



MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1040136	CV-150 (37/2.3) - 450/750V	mét	291.300	320.430
1040137	CV-185 (37/2.52) - 450/750V	mét	348.900	383.790
1040138	CV-200 (37/2.6) - 450/750V	mét	371.300	408.430
1040141	CV-240 (61/2.25) - 450/750V	mét	458.700	504.570
1040143	CV-250 (61/2.3) - 450/750V	mét	478.900	526.790
1040145	CV-300 (61/2.52) - 450/750V	mét	574.100	631.510
1040147	CV-325 (61/2.6) - 450/750V	mét	610.500	671.550
1040168	CV-350 (61/2,70) - 450/750V	mét	656.900	722.590
1040149	CV-400 (61/2.9) - 450/750V	mét	758.200	834.020
1040151	CV-500 (61/3.2) - 450/750V	mét	917.800	1.009.580
1040154	CV-560 (91/2.8) - 450/750V	mét	1.049.900	1.154.890
1040156	CV-600 (91/2.9) - 450/750V	mét	1.124.700	1.237.170
1040158	CV-625 (91/2.93) - 450/750V	mét	1.147.300	1.262.030
1040160	CV-630 (91/2.95) - 450/750V	mét	1.162.700	1.278.970
1040162	CV-800 (91/3.34) - 450/750V	mét	1.484.400	1.632.840

- Thuế giá trị gia tăng 10%

-Tất cả thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng



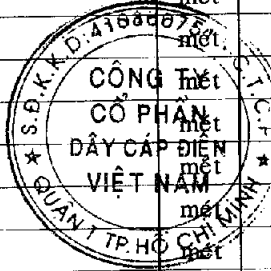
TỔNG CTY THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
CTY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

CADIVI

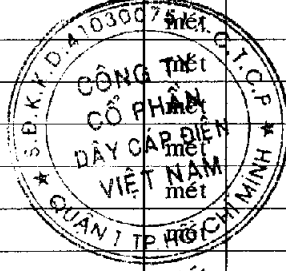
70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP.HCM.
Tel:38292971-38299443 FAX:38299437.
Website:www.cadivi-vn.com
Email:cadivi@cadivi.com.vn

BẢNG 3
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Áp dụng từ ngày 02-09-2010
Khu vực Miền Bắc

MÃ SẢN PHẨM (A)	TÊN SẢN PHẨM (B)	Đ V T (C)	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT (1)	CÓ THUẾ GTGT (2)
10401	<i>Dây điện lực ruột đồng, cách điện PVC (CV-450/750V)</i>			
1040101	CV-1 (7/0.425) - 450/750V	mét	2.620	2.882
1040164	CV-1.25 (7/0,45) - 450/750V	mét	3.120	3.432
1040102	CV-1.5 (7/0.52) - 450/750V	mét	3.630	3.993
1040103	CV-2 (7/0.6) - 450/750V	mét	4.610	5.071
1040104	CV-2.5 (7/0.67) - 450/750V	mét	5.640	6.204
1040165	CV-3,0 (7/0,75) - 450/750V	mét	6.680	7.348
1040105	CV-3.5 (7/0.8) - 450/750V	mét	7.710	8.481
1040106	CV-4 (7/0.85) - 450/750V	mét	8.560	9.416
1040166	CV-5,0 (7/0,95) - 450/750V	mét	10.900	11.990
1040107	CV-5.5 (7/1) - 450/750V	mét	11.580	12.738
1040108	CV-6 (7/1.04) - 450/750V	mét	12.490	13.739
1040167	CV-7 (7/1,13) - 450/750V	mét	14.770	16.247
1040109	CV-8 (7/1.2) - 450/750V	mét	16.530	18.183
1040110	CV-10 (7/1.35) - 450/750V	mét	20.900	22.990
1040169	CVm-10 (7x20/0,3) - 450/750V	mét	21.300	23.430
1040111	CV-11 (7/1.4) - 450/750V	mét	22.300	24.530
1040112	CV-14 (7/1.6) - 450/750V	mét	28.100	30.910
1040113	CV-16 (7/1.7) - 450/750V	mét	31.600	34.760
1040170	CVm-16 (7x32/0,30) - 450/750V	mét	32.500	35.750
1040114	CV-22 (7/2) - 450/750V	mét	43.500	47.850
1040115	CV-25 (7/2.14) - 450/750V	mét	49.500	54.450
1040116	CV-30 (7/2.3) - 450/750V	mét	57.000	62.700
1040117	CV-35 (7/2.52) - 450/750V	mét	68.100	74.910
1040118	CV-38 (7/2.6) - 450/750V	mét	72.400	79.640
1040120	CV-50 (19/1.8) - 450/750V	mét	95.600	105.160
1040122	CV-60 (19/2) - 450/750V	mét	117.000	128.700
1040124	CV-70 (19/2.14) - 450/750V	mét	133.800	147.180
1040125	CV-75 (19/2.25) - 450/750V	mét	147.500	162.250
1040127	CV-80 (19/2.3) - 450/750V	mét	154.200	169.620
1040129	CV-95 (19/2.52) - 450/750V	mét	184.600	203.060
1040130	CV-100 (19/2.6) - 450/750V	mét	196.200	215.820
1040131	CV-120 (19/2.8) - 450/750V	mét	226.900	249.590
1040133	CV-125 (19/2.9) - 450/750V	mét	243.200	267.520



MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ (đồng)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1040136	CV-150 (37/2.3) - 450/750V	mét	299.400	329.340
1040137	CV-185 (37/2.52) - 450/750V	mét	358.700	394.570
1040138	CV-200 (37/2.6) - 450/750V	mét	381.700	419.870
1040141	CV-240 (61/2.25) - 450/750V	mét	471.600	518.760
1040143	CV-250 (61/2.3) - 450/750V	mét	492.400	541.640
1040145	CV-300 (61/2.52) - 450/750V	mét	590.200	649.220
1040147	CV-325 (61/2.6) - 450/750V	mét	627.700	690.470
1040168	CV-350 (61/2,70) - 450/750V	mét	675.300	742.830
1040149	CV-400 (61/2.9) - 450/750V	mét	779.500	857.450
1040151	CV-500 (61/3.2) - 450/750V	mét	943.600	1.037.960
1040154	CV-560 (91/2.8) - 450/750V	mét	1.079.300	1.187.230
1040156	CV-600 (91/2.9) - 450/750V	mét	1.156.200	1.271.820
1040158	CV-625 (91/2.93) - 450/750V	mét	1.179.400	1.297.340
1040160	CV-630 (91/2.95) - 450/750V	mét	1.195.300	1.314.830
1040162	CV-800 (91/3.34) - 450/750V	mét	1.526.000	1.678.600



- Thuế giá trị gia tăng 10%

-Tất cả thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng